

HỢP TÁC TRONG BẢO TỒN DÂN CA VÀ MẪU HÌNH BẢO TỒN CỦA UNESCO

Marc Jacobs*

Tóm tắt: Việc tái tạo cái gọi là “dân ca” thành “di sản văn hóa phi vật thể” sau năm 2003 không chỉ là vấn đề về cập nhật các khái niệm. Các hoạt động tái lập ngữ nghĩa là một phần của mô hình bảo tồn mới mà vì đó Công ước UNESCO năm 2003 và các hướng dẫn hoạt động triển khai công ước đóng vai trò như một “tàu phá băng”. Một thách thức nữa là phát triển khái niệm “bảo tồn” thành sự thực hành với sự tham gia và hợp tác của nhiều thành phần; không chỉ để vượt ra khỏi những khái niệm như văn hóa dân gian, khôi phục, bảo vệ và “dân ca” mà còn phải đáp ứng với điều 15 của công ước cũng như các hướng dẫn hoạt động trong hiện tại và tương lai. Những ý nghĩa khác nhau của các từ như “nhóm” hay “cộng đồng” đã được khảo sát với sự chú ý đặc biệt dành cho khái niệm “cộng đồng di sản” giống như nó đã được sử dụng ở châu Âu.

Công việc gần đây của bà Lauren Meeker tại Việt Nam về “quan họ” trước và sau chương trình báu vật sống cũng như ghi danh trong danh sách đại diện của UNESCO về di sản văn hóa phi vật thể, đã dẫn đến việc thành lập một ban nghiên cứu di sản phi vật thể Ví, Giặm. Liệu di sản phụ thuộc vào khái niệm cộng đồng dựa trên sự đầu tư có chức năng thể hiện một “thương hiệu”, hay trước hết phụ thuộc vào khái niệm cộng đồng dựa trên sự tham gia tích cực? Quỹ đạo mới xung quanh việc luyện tập và trình diễn Ví, Giặm theo nhóm hay cộng đồng ở khu vực Nghệ An, Hà Tĩnh (Việt Nam) trong cuộc đối thoại bằng văn bản, biểu mẫu và văn kiện của Công ước UNESCO năm 2003 đã đặt ra một loạt vấn đề thú vị về bảo tồn, các khả năng và các vấn đề trong việc triển khai thực hiện Công ước 2003. Liệu “những phương pháp hợp tác” và “xây dựng sự đồng thuận” có phải là chìa khóa cho hồ sơ Ví, Giặm?

Từ khóa: UNESCO, di sản văn hóa phi vật thể, mẫu hình bảo tồn, dân ca Ví, Giặm, dân ca quan họ, cộng đồng học thuật.

Marc Jacobs: *Collaboration on folksong and UNESCO safeguarding paradigm*

The refashioning of so-called “folksongs” as post-2003 “intangible cultural heritage” is not only a question of updating concepts. The semantic reset operation is part of a new *safeguarding* paradigm for which the 2003 UNESCO convention and its operational directives function as an icebreaker. The challenge is to also develop the notion of “safeguarding” as a participatory or even collaborative practice; not only to move beyond notions like folklore, rescuing, protecting and yes “folksongs” but also to deal with article 15 of the convention and present and future operational directives. The different meanings of words like “group” or “community” are explored, with particular attention for the concept of “heritage community” as it is used in Europe.

The recent work of Lauren Meeker in Vietnam on the “quan họ” before and after the living human treasure program and the inscription on the UNESCO representative list of the intangible cultural heritage, offers an interesting sounding board for the study of Ví Giặm intangible heritage. Does heritage depend upon an investment-based notion of community in function of acting out a “brand” or in first place on an engagement-based concept of community possible? The new trajectory around the Ví and Giặm repertoire and practices in groups and communities in the Vietnamese Nghệ Tĩnh region in dialogue with the texts, forms and instruments of the 2003 UNESCO convention raises a series of interesting questions about safeguarding and possibilities and problems implementing the 2003 convention. Are the keys in the Ví Giặm file “collaborative methods” and “consensus building”?

Key words: UNESCO, intangible culture heritage, safeguarding paradigm, Ví and Giặm folksong, Quan họ folksong, scholarly community.